

Bản án số: 259/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Nâu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chiến Bà Lê Thị Minh

Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:** Bà Hà Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2024/QĐXX-ST ngày 13/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ninh Thị H, sinh ngày 24/11/1986 (vắng mặt)

Nơi thường trú: tổ dân phố H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Chị H ủy quyền cho ông Ninh Bá T, sinh năm 1960; Nơi thường trú: tổ dân phố H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 08/5/1975 (vắng mặt)

Nơi thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Ninh Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh H1 được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa

phương, có đăng ký kết hôn ngày 25/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H1 làm dâu và chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, được một thời gian ngắn sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng 6/2023 chị đi lao động tại Đài Loan. Khoảng tháng 10/2023 anh H1 cũng sang Đài Loan lao động nhưng không thông báo cho chị biết. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn hàn gắn tình cảm nhưng không được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo anh, chị nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 6/2023 đến nay chị và anh H1 không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 không có con chung.

Về con riêng: Chị có 01 con riêng là cháu Phạm Kiên G, sinh ngày 07/8/2012. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con riêng.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Nguyễn Thanh H1 là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Tại biên bản làm việc ngày 26/6/2024 và 02/7/2024, anh Nguyễn Văn H2 là anh trai anh Nguyễn Thanh H1 cho biết.

Về hôn nhân của anh H1, chị H anh cho biết: Anh H1, chị H được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về gia đình anh làm dâu và chung sống hòa thuận cùng gia đình nhà chồng. Sau khi kết hôn một thời gian anh, chị sang Đài Loan làm việc. Sang Đài Loan một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống.

Về con chung: anh H1, chị H không có con chung.

Ngoài ra anh H2 cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan anh H1 sinh sống cùng gia đình tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Anh đã thông báo cho anh H1 biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn” giữa chị H và anh H1 nhưng anh H1 không có ý kiến gì.

*Tại phiên tòa, chị Ninh Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.*

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Ninh Thị H; Biên bản làm việc với anh Nguyễn Văn H2 và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị H; xử:

Về hôn nhân: chị Ninh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh H1.

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh H1. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 14320/QLXNC-P3 ngày 04/7/2024 của Cục Q - Bộ C cung cấp, anh H1 xuất cảnh gần nhất ngày 28/8/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh H1 được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh H1 là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và anh H2 (anh trai anh H1) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh H1 ở Việt

Nam là: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh H1 thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh H1 biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn” giữa chị Ninh Thị H và anh Nguyễn Thanh H1. Gia đình anh H1 cho biết anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh H1 không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh H1 tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Ninh Thị H và anh Nguyễn Thanh H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh H1.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H với anh H1, Hội đồng xét xử thấy: Trước khi kết hôn anh H1, chị H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn anh, chị cùng sang Đài Loan lao động. Sang Đài Loan một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Anh H1 đã được Tòa án thông báo về việc Tòa án đang thụ lý giải quyết đơn xin ly hôn của chị H với anh H1 nhưng anh H1 không có ý kiến gửi đến Tòa án. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc với gia đình anh H1 cung cấp vợ chồng anh H1 phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh H1, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh H1 là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị H, anh H1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về con riêng: Chị H có 01 con riêng là cháu Phạm Kiên G, sinh ngày 07/8/2012. Tuy nhiên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn H2 là anh trai anh H1 có yêu cầu giải quyết về công nợ chung của anh H1, chị H. Anh H2 trình bày: quá trình chung sống, chị H, anh H1 có vay nợ chung

tại ngân hàng TMCP H3 (M) khoản vay nợ 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 492021/HĐCV ngày 23/8/2021. Do anh H1, chị H ở nước ngoài nên nhờ tôi trả khoản nợ trên để tránh nợ xấu và hứa hẹn khi nào về Việt Nam sẽ trả nợ cho anh. Trước đó anh H1, chị H đã trả được 100.000.000 đồng. Phần còn lại (400.000.000 đồng) do anh là người đứng ra trả nợ thay. Nay anh nhận được tin chị H, anh H1 ly hôn, trong đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ. Xét thấy quyền và lợi ích của mình bị ảnh hưởng nên anh đề nghị Tòa án xem xét buộc anh H1, chị H phải trả anh số tiền 400.000.000 đồng như đã trình bày ở trên.

Xét đề nghị của anh H2, Hội đồng xét xử thấy: Tại các buổi làm việc với anh H2, Tòa án đã yêu cầu anh H2 có đơn yêu cầu giải quyết đối với công nợ trên đến Tòa án. Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/7/2024 Tòa án không nhận được đơn yêu cầu giải quyết của anh H2. Ngày 13/8/2024 tại phiên tòa xét xử lần 01, anh H2 nộp đơn đề nghị và yêu cầu giải quyết đối với công nợ trên. Xét thấy đơn yêu cầu của anh H2 nộp đến Tòa án sau khi Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, sau khi Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do vậy, căn cứ Điều 70, Điều 72, Điều 200, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và Mục 7 phần IV của Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017, Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu này của anh H2 trong vụ án này. Tuy nhiên, anh H2 không mất quyền khởi kiện của mình, nếu anh H2 thấy quyền lợi của mình bị ảnh hưởng có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ninh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị Ninh Thị H, anh Nguyễn Thanh H1 vắng mặt tại phiên tòa và đang lao động tại nước ngoài thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Ninh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh H1.

2. Về án phí: Chị Ninh Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001254 ngày 13/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Ninh Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Ninh Thị H, anh Nguyễn Thanh H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Tam Di, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Nâu**